

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG TRỊ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá QSDĐ đối với 39 thửa đất ở thuộc Dự án Hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, thị xã Ba Đồn (Đợt 2). Địa điểm: Xã Nam Gianh, tỉnh Quảng Trị)

| STT | Lô đất số | Thửa đất số | Tờ bản đồ số | Diện tích (m ²) | Giá khởi điểm (đồng) | Tiền đặt trước (đồng) | Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng) | Ghi chú |
|-----------|---|-------------|--------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------|
| I | Khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ QL12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam thị xã Ba Đồn (Đường rộng 15,5m) | | | | | | | |
| 1 | LK15.16 | 2460 | 7 | 167,4 | 1.104.840.000 | 219.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| 2 | LK15.15 | 2461 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 3 | LK15.14 | 2462 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 4 | LK15.13 | 2463 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 5 | LK15.12 | 2464 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 6 | LK15.11 | 2465 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 7 | LK15.10 | 2466 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 8 | LK15.9 | 2467 | 7 | 177,5 | 1.171.500.000 | 219.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| 9 | LK14.1 | 2468 | 7 | 176,5 | 1.164.900.000 | 219.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| 10 | LK14.2 | 2469 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 11 | LK14.3 | 2470 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 12 | LK14.4 | 2471 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 13 | LK14.5 | 2472 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 14 | LK14.6 | 2473 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 15 | LK14.7 | 2474 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 16 | LK14.8 | 2475 | 7 | 187,5 | 1.237.500.000 | 247.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| II | Khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ QL12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam thị xã Ba Đồn (Đường rộng 13,5m) | | | | | | | |
| 17 | LK14.9 | 2476 | 7 | 187,5 | 945.000.000 | 189.000.000 | 100.000 | 02 mặt tiền |
| 18 | LK14.10 | 2477 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 19 | LK14.11 | 2478 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |

| STT | Lô đất số | Thửa đất số | Tờ bản đồ số | Diện tích (m ²) | Giá khởi điểm (đồng) | Tiền đặt trước (đồng) | Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng) | Ghi chú |
|-------------------------------|---|-------------|--------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|-------------|
| 20 | LK14.12 | 2479 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 21 | LK14.13 | 2480 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 22 | LK14.14 | 2481 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 23 | LK14.15 | 2482 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 24 | LK14.16 | 2483 | 7 | 188,4 | 949.536.000 | 189.907.200 | 100.000 | 02 mặt tiền |
| III | Khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ QL12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam thị xã Ba Đồn (Đường rộng 15,5m) | | | | | | | |
| 25 | LK13.1 | 2484 | 7 | 217,5 | 1.435.500.000 | 247.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| 26 | LK13.2 | 2485 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 27 | LK13.3 | 2486 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 28 | LK13.4 | 2487 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 29 | LK13.5 | 2488 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 30 | LK13.6 | 2489 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 31 | LK13.7 | 2490 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 32 | LK13.8 | 2491 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| 33 | LK13.9 | 2492 | 7 | 160,0 | 880.000.000 | 176.000.000 | 100.000 | |
| IV | Khu dân cư dọc tuyến đường trục chính từ QL12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam thị xã Ba Đồn (Đường rộng 13,5m) | | | | | | | |
| 34 | LK13.23 | 2506 | 7 | 217,5 | 1.096.200.000 | 219.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| 35 | LK11.12 | 2518 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 36 | LK11.13 | 2519 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 37 | LK11.14 | 2520 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 38 | LK11.15 | 2521 | 7 | 160,0 | 672.000.000 | 134.400.000 | 100.000 | |
| 39 | LK11.16 | 2522 | 7 | 247,5 | 1.247.400.000 | 247.000.000 | 200.000 | 02 mặt tiền |
| Tổng cộng: 39 thửa đất | | | | 6.567,3 | 34.672.376.000 | | | |